TÒA ÁN NHÂN DÂN NAM **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DS-ST
Ngày: 29-5-2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Đông**.

2. Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hằng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 384/2023/TB-TA ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp A1, xã L, huyện M, tỉnh S.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp B2, xã P, huyện P, tỉnh A. (Văn bản ủy quyền ngày 27/05/2022) – Có mặt

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Mai K**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T2, phường L, quận N, thành phố C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1984 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, xã L, huyện M, tỉnh S.

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 206/125/19/37/6 khu phố 6, thị trấn N, huyện N, thành phố H.

3. Bà **Bùi Đinh H**, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 47/30 TVC, phường TTH, quận TP, thành phố H.

4. Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm 1962 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 262/20 LLQ, phường 10, quận 11, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Nguyễn Thành T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Do quen biết nên trong khoảng thời gian từ ngày 27/10/2020 đến ngày 10/01/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mai K vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 27/10/2020, bà K hỏi vay nguyên đơn số tiền 25.800.000 đồng nhưng bà D nhờ chị ruột là bà Nguyễn Thị Tuyết N chuyển tiền vào số tài khoản 627704061695717 (chủ tài khoản là bà Trần Thị Mỹ H) mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế (VIB) do bà K cung cấp.

- 05 lần bà D chuyển tiền cho bà Khanh vay, nhưng bà K yêu cầu bà D chuyển tiền vào số tài khoản 0421000443960 (chủ tài khoản bà Bùi Đinh H) mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 28/10/2020, chuyển số tiền 109.963.800 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 29/10/2020, chuyển số tiền 110.113.300 đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 30/10/2020, chuyển số tiền 39.559.000 đồng.

+ Lần 4: Vào ngày 22/12/2020, chuyển số tiền 110.860.600 đồng.

+ Lần 5: Vào ngày 23/12/2020, chuyển tiền 33.003.500 đồng.

- Ngày 22/11/2020, bà D trực tiếp giao cho bà K vay số tiền 267.779.800 đồng.

- Ngày 10/01/2021, bà D cho bà K vay số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà D nhờ em ruột là bà Nguyễn Thị Ngọc T giao trực tiếp cho bà K nhận.

Tất cả các lần vay trên giữa các bên thỏa thuận vay không thời hạn, vay không lãi và thỏa thuận vay chỉ bằng lời nói; đối với số tiền vay có lẻ vì quy đổi từ tiền ngoại tệ (Nhật) sang tiền Việt Nam đồng. Trong tháng 03/2021, bà D có yêu cầu bà K trả toàn bộ số tiền vay và bà K cam kết đến ngày 31/3/2021 sẽ trả toàn bộ số tiền vay cho bà D nhưng đến nay bà K không trả bất cứ khoản tiền nào cho bà D.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai K phải trả số tiền vay nợ gốc là 717.080.000 đồng và nợ lãi là 01%/tháng tính từ ngày bà K cam kết trả hết nợ (ngày 31/3/2021) đến xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa phía nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với các lần vay ngày 27/10/2020, ngày 22/11/2020 và ngày 10/01/2021 trên tổng số tiền là 313.579.800 đồng vì phía nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đầy đủ, nguyên đơn sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác khi có nhu cầu. Nay nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà K có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 403.500.200 đồng từ các lần chuyển tiền vào số tài khoản của bà Bùi Đinh H đã được bị đơn bà K thừa nhận, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn bà Nguyễn Thị Mai K tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà đều vắng mặt, tuy nhiên ông Nguyễn Quốc B (cha ruột bà Kh) nộp văn bản ý kiến của bà K với nội dung trình bày: Bà K có quen biết bà D, còn việc chuyển tiền bà không biết.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày*</u>:

- *Bà Bùi Đinh H*: Bà có quen biết bà K (khi đó bà K đang làm việc tại Nhật Bản) qua mạng Facebook và bà K nhờ bà cho bà K mượn số tài khoản của bà để bà K hoặc bạn bè bà K chuyển tiền về Việt Nam. Đối với số tiền nguyên đơn bà D (bà không quen biết bà D) chuyển tiền vào số tài khoản tên bà thì đúng như nguyên đơn trình bày nhưng bà hoàn toàn không có bất cứ thỏa thuận vay tiền nào với bà D. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 24/01/2021, bà K ở tại địa chỉ của bà Trần Thị Mỹ H (mẹ nuôi bà H) cùng với bà thì bà đã đưa thẻ ATM (thẻ có số tiền bà D chuyển tiền vào) cho bà K và bà K đã mua đồ và rút hết tiền mà bà K nhờ chuyển tiền vào tài khoản bà. Do vậy, bà không có liên quan gì đến việc thỏa thuận vay tiền giữa bà D và bà K, bà yêu cầu vắng mặt trong các phiên tòa xét xử.

- *Bà Trần Thị Mỹ Hằng:* Vào tháng 09/2020, bà có quen người tên T (tức bà Nguyễn Thị Mai K) qua Facebook nhưng T nói mình tên Trần Thị Mỹ A và sinh sống tại Nhật, không có họ hàng ở Việt Nam là trẻ mồ côi và có dự định về Việt Nam thăm lại trại mồ côi T từng ở nhưng không thể đem tiền về được nên nhờ vào tài khoản của con gái nuôi là bà Bùi Đinh H để chuyển tiền, khi nào về Việt Nam sẽ lấy lại sử dụng; Ngoài ra, T nói là nhờ người bạn sống tại Nhật cùng T sẽ chuyển tiền vào tài khoản của bà H nhưng K xác định số tiền chuyển là của T. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/12/2020 đến ngày 24/01/2021, T ở tại nhà bà và bà được bà H cho biết bà T đã nhờ rút hết tiền và đưa lại cho T sử dụng. Đến ngày 25/01/2021, bà mới biết T mượn tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc D và T tên là Nguyễn Thị Mai K. Bà yêu cầu vắng mặt trong các phiên tòa xét xử.

- *Bà Nguyễn Thị Tuyết N*: Bà là chị ruột nguyên đơn bà D. Ngày 27/10/2020, bà có chuyển số tiền 25.800.000 đồng vào số tài khoản 627704061695717 (chủ tài khoản là bà Trần Thị Mỹ H) mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế (VIB) thì số tiền này là của bà D và bà D nhờ bà chuyển

tiền dùm vào số tài khoản như nêu trên. Do vậy, mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ số tiền trên là của bà D. Bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- *Bà Nguyễn Thị Ngọc T:* Bà là em ruột nguyên đơn bà D. Ngày 10/01/2021, bà có đưa bị đơn bà K số tiền 20.000.000 đồng nhưng số tiền này là của bà D và bà D nhờ bà đưa tiền cho bà K. Do vậy, mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ số tiền trên là của bà D. Bà yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Mai Khanh có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Dễ số tiền vay vốn gốc là 403.500.200 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ngọc T, bà Bùi Đinh H, bà Trần Thị Mỹ H vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mai K có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay vốn gốc 403.500.200 đồng. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà K trả số tiền vay nợ gốc nhiều lần với tổng số tiền là 403.500.200 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn đều vắng mặt, đối với văn bản thể hiện nội dung trình bày của bà K do ông Nguyễn Quốc B (cha ruột bà K) giao nộp so với ý kiến bà K tại Bút lục 75 (hồ sơ thụ lý số 237/2021/TLST-DS ngày 21/5/2021) thì có cùng ý kiến là bà K không có vay mượn tiền như bà D yêu cầu, trường hợp bà D có chứng cứ cụ thể thì bà K chịu trách nhiệm.

[3.1] Thấy rằng, các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như đơn đề nghị chuyển tiền có kê khai và sao kê, bảng sao kê tài khoản đối với số tài khoản 0421000443960 ghi tên chủ tài khoản là bà Bùi Đinh H, cũng như việc bà H xác nhận việc bà D có chuyển tiền vào số tài khoản của bà như bà D trình bày, vì vậy

có cơ sở xác định việc bà D có chuyển tiền cho bà H như nguyên đơn trình bày là đúng, rồi từ việc bị đơn bà K thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 01/7/2021 (Bút lục 76, 77) rằng: giọng nói các đoạn ghi âm mà phía nguyên đơn cung cấp là của bà và nội dung trao đổi đề cập số tiền vay là số tiền nguyên đơn đang yêu cầu nhưng bà K cho rằng sẽ làm rõ số tiền mà nguyên đơn đã chuyển tiền cho bà H. Theo đó, tại đoạn file có dung lượng 17,770KB do bà K nói: Em (bà K) nợ, số tiền chuyển vào tài khoản của bà H là nhờ bà H nhận dùm (do bà K không có chứng minh, không có gì hết), đã chuyển vô hết rồi và số tiền bà K đã nhận được, bà thiếu thì trả…; Riêng đối với các đoạn tin nhắn bà K cung cấp, trong đó có tên H HH (bút lục 77d) có nội dung "Em đừng quan tâm; Thì e cứ nói; Chị mượn chị là ng xài; Chứ đâu phải do e; Mà chị muon thì chị phai là ng tra" thì qua tài liệu bà K cung cấp không xác định được nội dung tin nhắn này có liên quan đến nội dung yêu cầu của nguyên đơn, trong khi bà D, bà H đều cho rằng không có giao dịch vay tiền với nhau. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp…" và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

[3.2] Do vậy, từ những vấn đề trên có cơ sở xác định tổng số tiền 403.500.200 đồng mà nguyên đơn bà D chuyển tiền vào số tài khoản 0421000443960 ghi tên chủ tài khoản là bà Bùi Đinh H là số tiền mà bị đơn bà K vay của bà D và xác định hợp đồng vay không kỳ hạn, vay không lãi. Từ đó, căn cứ vào Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai K có trách nhiệm trả cho bà D số tiền vay vốn gốc là 403.500.200 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với số tiền các lần vay ngày 27/10/2020, ngày 22/11/2020 và ngày 10/01/2021 với tổng số tiền 313.579.800 đồng, tại phiên tòa phía nguyên đơn rút lại yêu cầu. Xét việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà D về yêu cầu buộc bị đơn bà K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 313.579.800 đồng trong các lần vay nêu trên. Bà D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D tổng số tiền vay nợ gốc là 403.500.200đ (Bốn trăm linh ba triệu năm trăm nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Mai K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vay 313.579.800 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mai K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 20.140.008đ (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn không trăm linh tám đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 16.341.000đ (Mười sáu triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng) mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 0004894 ngày 19/01/2023.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Nguyễn Hữu Đức Hoàng Thị Kim Hưng